

NHỮNG LOÀI CÓ GIÁ TRỊ LÀM THUỐC THUỘC CHI KHOAI LANG (*IPOMOEA* L.) – HỌ BÌM BÌM (CONVOLVULACEAE JUSS.) Ở VIỆT NAM

Trần Đức Bình¹, Dương Thị Hoàn¹, Nguyễn Thị Thanh Hương^{1,2},
Lê Ngọc Hân¹, Doãn Hoàng Sơn¹, Bùi Thu Hà³, Phạm Quỳnh Anh⁴

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Học viện Khoa học và Công nghệ,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

³Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

⁴Trường Đại học Tây Bắc

Ở Việt Nam, chi Khoai lang (*Ipomoea* L.) thuộc họ Bìm bìm (Convolvulaceae Juss.) phân bố rải rác khắp cả nước, đặc biệt là các tỉnh Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Nguyễn Tiến Bản và cộng sự (2003) trong “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” đã biết có khoảng 33 loài. Các loài thuộc chi Khoai lang (*Ipomoea* L.) có ý nghĩa kinh tế và giá trị về nhiều mặt như làm thực phẩm, làm cảnh, làm thuốc nhuộm, đặc biệt là có giá trị làm thuốc rất lớn. Nhiều loài cây trong chi này có thể được dùng để chữa nhiều loại bệnh khác nhau như hen suyễn, ho, dạ dày, đau tim, thấp khớp,... Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi sẽ mô tả tóm tắt đặc điểm hình thái của những loài có giá trị làm thuốc, nơi phân bố và đi sâu phân tích về các bộ phận sử dụng và các nhóm bệnh của các loài trong chi Khoai lang (*Ipomoea* L.) ở Việt Nam.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là các taxon của chi Khoai lang (*Ipomoea* L.) có giá trị sử dụng trên phạm vi cả nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng là phương pháp so sánh hình thái để phân tích các mẫu vật và phân tích các tài liệu chuyên khảo của các tác giả trong và ngoài nước để đánh giá số lượng loài có giá trị làm thuốc trong chi Khoai lang (*Ipomoea* L.).

- Điều tra kinh nghiệm và tri thức bản địa tại các nơi thu mẫu trong các chuyến đi thực địa (bộ phận thu hái, cách thu hái, cách sử dụng,...) theo phương pháp nghiên cứu thực vật học (Gary J. Martin, 2002).

- Tổng hợp các tài liệu chuyên khảo và tham khảo trên thế giới và ở Việt Nam để ghi nhận các loài làm thuốc thuộc chi Khoai lang (*Ipomoea* L.).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm tóm tắt các loài cây thuốc thuộc chi Khoai lang (*Ipomoea* L.)

1.1. *Ipomoea alba* L. – Bìm trắng

Dây leo quấn, nhẵn, hoặc mụn gai. Lá hình tim sâu, đột ngột nhọn, cỡ 8-16 x 7-15 cm, nhẵn, gân ở gốc 7-9. Hoa 2-3 trên một cuống chung dài 8-12 cm. Tràng hoa màu trắng, ống dài tới 13 cm. Quả nang, hình trứng, có mũi nhọn cứng, dài 25 mm, nhẵn, đài đồng trường bao lấy quả, dài 35 mm.

Sinh học và sinh thái: Cây mọc hoang bờ, bụi. Hoa nở về đêm.

Phân bố: Hoà Bình, Đắk Lắk, Bình Thuận, Tp. Hồ Chí Minh. Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Malaixia, Indônêxia, Philippin, châu Mỹ.

1.2. *Ipomoea aquatica* Forssk. – Rau muống

Cây thảo, thân hình trụ rỗng ruột, không lông. Lá màu lục, hình tam giác hay mũi mác. Cụm hoa ở nách lá, mang 1 hay nhiều hoa, 4 hạt, có lông màu nâu đỏ.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa quả từ 8-12. Mọc hoang dại ở các ruộng, nương.

Phân bố: Trồng phổ biến nhiều nơi trên khắp cả nước. Còn có ở Lào, Campuchia, Thái Lan, Philippin, Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia, Malaixia, Mianma, Pakistan, Sri Lanka.

1.3. *Ipomoea batatas* (L.) Lam. – Khoai lang

Cây thảo bò, dài đến 2-3(7) m, có củ trắng. Rễ phình thành củ tròn dài, màu đỏ, trắng hay vàng. Lá thường hình tim xẻ 3 thùy, cuống dài. Cụm hoa xim, ở đầu cành hay nách lá. Hoa hình chuông, màu tím nhạt, trắng hay vàng.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa quả từ tháng 11-4 (năm sau). Mọc hoang dại ở nhiều nơi lên đến 1800 m.

Phân bố: Trồng phổ biến khắp nơi ở Việt Nam. Còn có ở Indônêxia, Nhật Bản, Lào, Malaixia, Pakistan, Philippin, Thái Lan, Australia, Trung Quốc, Nam Mỹ.

1.4. *Ipomoea cairica* (L.) Sweet – Bìm cảnh

Cây thảo nhiều năm, có rễ củ; thân nhỏ, mọc leo dài 3-6 m. Lá đơn, hình chân vịt, xẻ 5 thùy. Phát hoa ở nách lá, hoa to, màu tím nhạt; đài gần bằng nhau; nhị dính trên ống tràng. Quả nang to 1 cm, chứa 4 hạt, cao 5-6 mm.

Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 12-2 (năm sau). Mọc ven hàng rào, bờ bụi.

Phân bố: Phổ biến khắp nơi ở Việt Nam. Còn có ở Trung Quốc, Nhật Bản, Lào, Phillipin, Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Pakistan, Australia, Nam Mỹ.

1.5. *Ipomoea campanulata* L. – Bìm chuông

Dây leo to, cành có rãnh, không lông. Lá có phiến xoan, cỡ 12 x 8-9 cm, góc hình tim rộng, chóp nhọn; gân 13-15 cặp, không lông, cuống dài 2-4 cm. Xim ở nách lá, 3-5 hoa trắng ở phía ngoài, tím ở phía trong; đài cao 10-13 mm; tràng hình chuông cao 4-5 cm, không lông, bầu 2 ô, 2 noãn.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa quả từ tháng 10-2 (năm sau). Mọc rải rác ở bãi hoang.

Phân bố: Phú Quốc. Còn có ở Ấn Độ, Malaixia.

1.6. *Ipomoea digitata* L. – Tầm sét

Dây leo, cành hình trụ, không lông. Phiến lá hình chân vịt, cỡ 12 x 10 cm, chia 7 thùy sâu, nhọn, cuống dài bằng phiến. Cụm hoa dài hơn cuống, ở nách lá, hoa nhiều, màu hồng. Quả nang hình cầu, đường kính 1-1,5 cm, mở bằng 4 mảnh, chứa 4 hạt, có lông.

Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 5-9. Mọc ở bãi hoang, đồi hoang, lùm bụi, ven đường.

Phân bố: Cao Bằng, Quảng Ninh, Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình và Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa- Vũng Tàu, Đồng Tháp, An Giang. Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc.

1.7. *Ipomoea eriocarpa* R.Br. – Bìm lông

Dây leo quấn; thân mảnh, có lông trắng. Lá mọc cách, phiến lá nhỏ hình tam giác, gốc hình tim, có lông. Cụm hoa dạng xim co ở nách lá, rộng 1-2 cm; đường kính hoa cỡ 1 cm, màu hồng; lá đài cao 5 mm; tràng có lông ở mặt ngoài; bầu có lông dài. Quả nang cao 5 mm, có lông. Hạt to 3 mm, có lông.

Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 4-5. Mọc ở bãi hoang, lùm bụi.

Phân bố: Tp. Hồ Chí Minh. Còn có ở các nước đông nam Á, Ôxtrâyliya và châu Phi.

1.8. *Ipomoea obscura* (L.) Ker Gawl. – Bìm mờ

Dây leo quấn, cành mảnh, không lông. Lá mọc cách, phiến lá hình trái xoan, chóp nhọn, gốc hình tim, gân từ gốc 5-7, mỏng. Cụm hoa ở nách lá, mang 1-2 hoa; hoa trắng; đài trong cao hơn đài ngoài; nhị dính ở gốc ống tràng. Quả nang to 8-10 mm, hạt có lông dày, ngắn.

Sinh học và sinh thái: Ra hoa từ tháng 1 đến tháng 10. Mọc ở các bãi hoang, ven rừng, lùm bụi, nơi khô và sáng.

Phân bố: Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hoà, Đồng Nai. Còn có ở Trung Quốc, Ấn Độ và Ôxtrâyliya.

1.9. *Ipomoea muricata* (L.) Jacq. – Bìm gai

Dây leo một năm, gần như không lông; thân mềm, có mụn như gai hay không. Lá mọc cách, phiến lá hình tim rộng, dài 7-18 x 4-5 cm. Cụm hoa ở nách lá; đài 5, dài 6-7 mm; tràng màu tím hay tím nhạt, có ống hẹp dài 3-6 cm; nhị 5, không thò ra ngoài; bầu không lông. Quả nang xoan, cao 2 cm, mở thành 4 mảnh; hạt 4, màu đen, cao 1 cm.

Sinh học và sinh thái: Hoa nở về đêm. Mọc hoang ven đường, ven rừng.

Phân bố: Khánh Hoà, Đắk Lắk, Bà Rịa- Vũng Tàu. Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, các nước nhiệt đới châu Á.

1.10. *Ipomoea pes-caprae* (L.) Sweet – Rau muống biển

Cây thảo mọc bò, có thân dày, nhẵn, thân non đỏ nhạt. Lá hình tim, cỡ 4-6 x 5-7 cm, chóp tròn hay lõm, nhẵn; cuống lá dài 5-7 cm, dày về phía gốc, mang 2 tuyến. Phát hoa nách lá, cuống cụm hoa cỡ 2-4 cm. Đài không lông, cỡ 8-10 mm; tràng đỏ, hình kèn, cỡ 4-7 cm. Quả nang hình cầu, đường kính 2 cm. Hạt 4, cỡ 7 mm, dẹp, màu hung.

Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 1-5. Mọc trên bãi cát ven biển và cố định cát.

Phân bố: Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Bà Rịa- Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Kiên Giang. Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Philippin.

1.11. *Ipomoea pes-tigridis* L. – Bìm chân cạp

Cây thảo một năm, mọc bò hay leo, đầy lông cứng. Lá hình chân vịt, cỡ 3-5 x 5-6 cm, có 7-9 thùy hình ngọn giáo, có lông trắng nằm ở 2 mặt; cuống lá dài 2-5 cm, có lông cứng. Cụm hoa hình đầu ở nách lá, 10 hoa, cuống dài. Lá bắc tổng bao có lông trắng mềm. Quả nang, hình cầu, đường kính 8 mm, có 4 ô. Hạt 4 màu nâu, có lông thưa, ngắn.

Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 1-6. Mọc ven đường và bãi hoang ở các vùng đồng bằng.

Phân bố: Ninh Bình, Thừa Thiên-Huế, Khánh Hoà, Bến Tre, Bà Rịa- Vũng Tàu. Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Philippin, Indônêxia.

1.12. *Ipomoea quamoclit* L. – Tóc tiên dây

Dây leo một năm, không lông. Lá xẻ như kếp lông chim thành nhiều phiến hẹp, song song, nhọn. Cụm hoa ở nách lá, ít hoa, màu đỏ, đẹp. Lá dài bằng nhau, có mũi nhọn; 5 nhị dính ở gần gốc tràng. Quả nang hình trứng, cao 9 mm, không lông, mở từ dưới lên trên. Hạt đen, dài 5-6 mm.

Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 1-4. Mọc đại leo lên các lùm bụi, hàng rào.

Phân bố: Bắc Ninh, Hà Nội, Ninh Bình, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum. Còn có ở Ấn Độ và các nước nhiệt đới châu Á.

1.13. *Ipomoea triloba* L. – Bìm ba thùy

Cây thảo leo quấn, thân mảnh có khía. Lá có phiến có 3 thùy, chóp hơi nhọn, gốc hình tim, không lông, cỡ 3-6 x 2-5 cm; cuống lá dài 3-5 cm. Cụm hoa hình tán ít hoa, dài 2 cm; đài cao 8 mm, mép rìa có lông; tràng màu hồng; nhị 5, chỉ nhị gắn gần gốc ống tràng. Quả nang, dài 7 mm, có lông, chia 4 ô. Hạt có lông thưa, dài 3,5 mm.

Sinh học và sinh thái: Mọc ở bờ rào, lùm bụi ven đường nơi khô và sáng.

Phân bố: Hà Nội, Hải Phòng, Đắk Lắk, Tp. Hồ Chí Minh. Còn có ở Indônêxia, Nhật Bản, Malaixia, Philippin, Thái Lan, Trung Quốc.

2. Giá trị làm thuốc của các loài thuộc chi Khoai lang (*Ipomoea* L.)

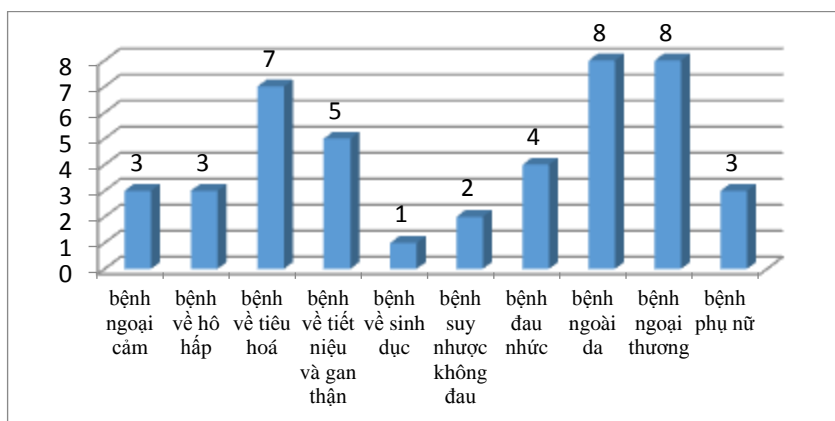
Bảng 1

Danh lục các loài cây thuốc căn cứ theo từng nhóm bệnh

Nhóm bệnh														
STT	Tên khoa học	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	<i>Ipomoea alba</i> L.											x		
2	<i>Ipomoea aquatica</i> Forssk.		x			x	x				x	x	x	
3	<i>Ipomoea batatas</i> (L.) Lam.	x				x	x	x	x					x
4	<i>Ipomoea cairica</i> (L.) Sweet		x			x	x				x	x		
5	<i>Ipomoea campanulata</i> L.											x		
6	<i>Ipomoea digitata</i> L.									x	x	x	x	
7	<i>Ipomoea eriocarpa</i> R.Br.									x	x			
8	<i>Ipomoea obscura</i> (L.) Ker Gawl.										x			
9	<i>Ipomoea muricata</i> (L.) Jacq.	x				x								
10	<i>Ipomoea pes-caprae</i> (L.) Sweet	x				x	x		x	x	x	x		
11	<i>Ipomoea pes-tigridis</i> L.		x			x					x	x		
12	<i>Ipomoea quamoclit</i> L.					x	x				x	x		
13	<i>Ipomoea triloba</i> L.									x				

Chú thích: 1. Bệnh ngoại cảm; 2. Bệnh về hô hấp; 3. Bệnh về huyết mạch; 4. Bệnh về tâm thần; 5. Bệnh về tiêu hoá; 6. Bệnh về tiết niệu và gan thận; 7. Bệnh về sinh dục; 8. Bệnh suy nhược không đau; 9. Các bệnh đau nhức; 10. Bệnh ngoài da; 11. Bệnh ngoại thương; 12. Bệnh phụ nữ; 13. Bệnh trẻ em.

Ghi chú: Căn cứ vào công dụng chữa trị các bệnh khác nhau của từng loài sau đó đối chiếu với tài liệu (Lê Trần Đức, 1997).



Hình 1: Bảng so sánh số lượng các loài chữa các bệnh khác nhau

Như vậy, thống kê có 3 loài chữa bệnh ngoại cảm; 3 loài chữa bệnh về hô hấp; 7 loài chữa bệnh về tiêu hoá; 5 loài chữa bệnh về tiết niệu và gan thận; 1 loài chữa bệnh về sinh dục; 2 loài chữa bệnh suy nhược không đau; 4 loài chữa các bệnh đau nhức; 8 loài chữa bệnh ngoài da; 8 loài chữa bệnh ngoại thương; 3 loài chữa bệnh phụ nữ. Sự so sánh về số lượng trên thể hiện ở hình 1.

Bảng 2

Danh lục các loài cây thuốc phân theo từng bộ phận sử dụng

STT	Tên khoa học	Bộ phận					
		Rễ	Thân	Lá	Hoa	Quả	Hạt
1	<i>Ipomoea alba</i> L.	X	X	X	X	X	X
2	<i>Ipomoea aquatica</i> Forssk.	X	X	X	X	X	X
3	<i>Ipomoea batatas</i> (L.) Lam.	X	X	X			
4	<i>Ipomoea cairica</i> (L.) Sweet	X	X	X	X	X	X
5	<i>Ipomoea campanulata</i> L.	X	X	X	X	X	X
6	<i>Ipomoea digitata</i> L.	X		X			
7	<i>Ipomoea eriocarpa</i> R.Br.	X	X	X	X	X	X
8	<i>Ipomoea obscura</i> (L.) Ker Gawl.	X	X	X	X	X	X
9	<i>Ipomoea muricata</i> (L.) Jacq.						X
10	<i>Ipomoea pes-caprae</i> (L.) Sweet	X	X	X	X	X	X
11	<i>Ipomoea pes-tigridis</i> L.	X		X			
12	<i>Ipomoea quamoclit</i> L.	X	X	X	X	X	X
13	<i>Ipomoea triloba</i> L.			X			

Các bộ phận được sử dụng làm thuốc gồm: rễ (11 loài), thân (9 loài), lá (12 loài), hoa (8 loài), quả (8 loài) và hạt (9 loài). Như vậy bộ phận được sử dụng nhiều nhất là lá (12 loài) tiếp đến là rễ (11 loài).

III. KẾT LUẬN

Nguồn tài nguyên cây thuốc trong chi Bìm bìm (*Ipomoea* L.) khá phong phú, bước đầu đã thống kê được 13 loài (trong tổng số 33 loài). 13 loài cây thuốc trong chi này được sử dụng để chữa nhiều nhóm bệnh khác nhau đó là: 3 loài chữa bệnh ngoại cảm; 3 loài chữa bệnh về hô hấp; 7 loài chữa bệnh về tiêu hoa; 5 loài chữa bệnh về tiết niệu gan thận; 1 loài chữa bệnh về sinh dục; 2 loài chữa bệnh suy nhược không đau; 4 loài chữa các bệnh đau nhức; 8 loài chữa

bệnh ngoài da; 8 loài chữa bệnh ngoại thương; 3 loài chữa bệnh phụ nữ. Trong đó số loài nhiều nhất được sử dụng chữa 3 nhóm bệnh: bệnh tiêu hóa, bệnh ngoài da và bệnh ngoại thương. Các bộ phận được sử dụng làm thuốc cũng đa dạng gồm rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt, trong đó chủ yếu là 2 bộ phận lá và rễ. Ngoài ra, chúng tôi còn liệt kê một số thông tin cần thiết của các loài bao gồm: tên latin, tên Việt Nam, những đặc điểm cơ bản để nhận biết, sinh thái, mùa hoa quả và phân bố.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số NAFOSTED 106.03-2017.08, đề tài cơ sở mã số IEBR.DT.02/17-18, nhiệm vụ cơ sở IEBR.NV.02/07 và dự án “Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 3: 167-172.
2. **Đỗ Huy Bích và cs.** 2004. *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1, 1137 trang.
3. **Đỗ Huy Bích và cs.** 2004. *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2, 1252 trang.
4. **Võ Văn Chi**, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội, 1, 1675 trang.
5. **Võ Văn Chi**, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội, 2, 1541 trang.
6. **Lê Trần Đức**, 1997. *Cây thuốc Việt Nam trồng hái chế biến và trị bệnh ban đầu*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1067 trang.
7. **Gary J. Martin**, 2002. *Thực vật dân tộc học*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 363 trang.
8. **Phạm Hoàng Hộ**, 2003. *Cây cỏ Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2: 783-793.
9. **Đỗ Tất Lợi**, 1995. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. KHKT, Hà Nội, 1485 trang.
10. **Trần Đình Lý**, 1993. *1900 loài cây có ích ở Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 71-72.

THE MEDICINAL PLANT SPECIES OF *IPOMOEA* L. (CONVOLVULACEAE L.) IN VIET NAM

**Tran Duc Binh, Duong Thi Hoan,
Nguyen Thi Thanh Huong, Le Ngoc Han,
Doan Hoang Son, Bui Thu Ha, Pham Quynh Anh**

SUMMARY

In Viet Nam, the genus *Ipomoea* L. (Convolvulaceae L.) comprises about 33 species, which are distributed in central and southern Viet Nam. There are 13 medicinal plant species of *Ipomoea* in Vietnam which can be used to cure different diseases such as asthma, cough, arthritis, and diseases related to stomach, heart, etc. In this study, we describe preliminary basic characteristics to identify the medicinal *Ipomoea* species, their ecology, distribution and phenology in Viet Nam.